

Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh H đi làm xa, không chăm lo cho gia đình và hay ghen. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên:

- Nguyễn Thị Quyền Trang, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2004, đã trưởng thành và lao động được;

- Nguyễn Phúc An, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2011, hiện nay cháu An đang sống với chị; khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng:*

Căn cứ vào khoản 4 Điều 27 luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân; các điều 21, 22, 26, 35, 46, 48, 49, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 73, 92, 96, 97, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án và đương sự tuân theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị TH là được ly hôn với anh H; về con chung giao cháu An cho chị TH trực tiếp nuôi, anh H không phải cấp dưỡng; về án phí căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH thì đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị TH ly hôn với anh H là THộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- DT theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh H vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt.

[2.] Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị TH với anh H là tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang nay là phường Sơn Qui, tỉnh DT cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2004 là hợp pháp. Thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, chị TH cho rằng anh H không chăm lo cho gia đình và anh H đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án hợp pháp nhưng không phản đối yêu cầu khởi kiện của chị TH nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên:

- Nguyễn Thị Quyền Trang, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2004, đã trưởng

thành và lao động được;

- Nguyễn Phúc An, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2011, hiện nay cháu An đang sống với chị TH. Khi ly hôn chị TH yêu cầu được trực tiếp nuôi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu An sống ổn định với chị TH và nguyện vọng của cháu An là được sống với chị TH nên Hội đồng xét xử chấp nhận để cháu An cho chị TH trực tiếp nuôi.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp.

4. Về nợ chung: Không tranh chấp.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị TH chịu.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của chị TH được chấp nhận và ý kiến đại diện Viện kiểm sát được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mộng TH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mộng TH được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Anh chị có 02 người con chung:

- Nguyễn Thị Quyền Trang, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2004, đã trưởng thành và lao động được;

- Nguyễn Phúc An, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2011. Giao cháu Nguyễn Phúc An cho chị Lê Thị Mộng TH được trực tiếp nuôi.

Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp cần thiết thì xác đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nếu có.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị Lê Thị Mộng TH chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Lê Thị Mộng TH đã tạm ứng án phí tại biên lai số 0001344 ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Lê Thị Mộng TH đã nộp đủ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh DT;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-DT;
- Thi hành án dân sự tỉnh DT;
- UBND phường Sơn Qui, DT;
- Đương sự;
- Lưu hs, án văn. Ln 11;

VÕ CHI L